

Số: 97/BC-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

**Cập nhật, bổ sung kết quả thực hiện lĩnh vực kinh tế
quý I/2025 của tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tỉnh ủy Đồng Nai;
- Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có Báo cáo số 88/BC-UBND về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 48/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh quý I/2025 của tỉnh Đồng Nai báo cáo Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nay, trên cơ sở Công văn số 241/CTK -TKQG ngày 01/04/2025 của Cục Thống kê – Bộ Tài chính về thông báo số liệu GRDP ước tính quý I năm 2025 của; Báo cáo số 33/BC-CCTK ngày 28/03/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội quý I/2025 tỉnh Đồng Nai và kết quả thực hiện đến ngày 31/03/2025 của lĩnh vực tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (UBND tỉnh) báo cáo cập nhật, bổ sung kết quả thực hiện những nội dung thay đổi của lĩnh vực kinh tế so với Báo cáo số 88/BC-UBND nêu trên như sau:

1. Về tăng trưởng kinh tế

Theo thông báo số liệu của Cục Thống kê ngày 01 tháng 4 năm 2024, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) (theo giá so sánh 2010) quý I năm 2025 ước đạt 62.703 tỷ đồng. Trong mức tăng chung thì Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,0%; Công nghiệp - xây dựng tăng 6,73%. Trong đó công nghiệp tăng 6,35%; Dịch vụ tăng 8,52% và Thuế sản phẩm tăng 7,05%. Chi tiết cụ thể theo bảng dưới đây:

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh 2010	
	Quý I/2025 (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Quý I/2025 (Tỷ đồng)	Quý I/2025 so cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	124.113,49	100,00	62.703,07	106,84
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	13.402,85	10,80	6.092,10	103,00

- Công nghiệp và xây dựng	69.061,86	55,64	35.141,64	106,73
<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>63.992,18</i>	<i>51,56</i>	<i>31.951,77</i>	<i>106,35</i>
- Dịch vụ	32.410,98	26,11	16.550,80	108,52
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9.237,80	7,44	4.918,53	107,05

2. Về công tác điều hành các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương

2.1. Tổng thu ngân sách nhà nước là 19.210 tỷ đồng, đạt 32% dự toán HĐND tỉnh và bằng 121% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Thu nội địa: 14.393 tỷ đồng, đạt 36% dự toán HĐND tỉnh và bằng 126% so với cùng kỳ. (Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa là 12.973 tỷ đồng, đạt 38% dự toán HĐND tỉnh và bằng 123% so với cùng kỳ).

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 4.816 tỷ đồng, đạt 24% dự toán HĐND tỉnh và bằng 110% so với cùng kỳ.

2.2. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 4.888 tỷ đồng, đạt 15% dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển vốn địa phương (không bao gồm chi chuyển nguồn) là 1.142 tỷ đồng, đạt 09% so với dự toán và bằng 114% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 3.900 tỷ đồng, đạt 22% so với dự toán và bằng 120% so với cùng kỳ.

3. Thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước

3.1. Thu hút đầu tư trong nước

Từ đầu năm 2025 đến ngày 31/3/2025, thu hút vốn đầu tư trong nước ở trong và ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh khoảng 7.218,103 tỷ đồng, bằng 105% so với cùng kỳ năm 2024 (cùng kỳ năm 2024 thu hút đầu tư khoảng 6.851,840 tỷ đồng). Trong đó: có 15 dự án cấp mới (13 dự án ngoài KCN, 02 dự án trong KCN) với tổng vốn đăng ký khoảng 4.813,891 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2024 có 03 dự án cấp mới khoảng 1.470,697 tỷ đồng); có 11 dự án tăng vốn (06 dự án ngoài KCN, 05 dự án trong KCN) với số vốn đăng ký bổ sung là 2.404,212 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2024 có 04 dự án tăng vốn với số vốn đăng ký bổ sung là 5.381,143 tỷ đồng).

Lũy kế đến ngày 31/3/2025, số dự án còn hiệu lực là 1.124 dự án với số vốn hơn 473.905,168 tỷ đồng.

3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Từ đầu năm 2025 đến ngày 31/3/2025, thu hút đầu tư từ khu vực nước ngoài đạt 1.030,57 triệu USD, tăng 77% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2024 đạt 580,61 triệu USD), trong đó: cấp mới 32 dự án với tổng vốn đăng ký

416,34 triệu USD; điều chỉnh 36 dự án tăng vốn với tổng vốn bổ sung 614,23 triệu USD.

Tính từ đầu năm đến nay, Singapore là quốc gia dẫn đầu các quốc gia, vùng lãnh thổ về vốn đầu tư vào các KCN Đồng Nai. Các dự án thu hút mới chủ yếu thuộc các ngành sản xuất chất bán dẫn, linh kiện điện, điện tử; cơ khí chế tạo; dệt; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn,... không có dự án thuộc danh mục ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng lao động; đảm bảo các tiêu chí về công nghệ tiên tiến; phù hợp với chủ trương thu hút đầu tư của tỉnh.

Lũy kế đến nay, số dự án FDI còn hiệu lực là 1.714 dự án với số vốn 36,09 tỷ USD.

4. Về đăng ký doanh nghiệp

4.1. Về phát triển doanh nghiệp

Tổng vốn đăng ký kinh doanh từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025 là 6.285 tỷ đồng, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

- Về đăng ký mới: Có 444 doanh nghiệp thành lập mới (tăng 6,4% so với cùng kỳ 2024 là 417 doanh nghiệp) với số vốn đăng ký 3.293 tỷ đồng.

STT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng	Vốn đăng ký (tỷ đồng)
1	Công ty cổ phần	21	891
2	Công ty hợp danh	0	0
3	Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	80	821
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	340	1.566
5	Doanh nghiệp tư nhân	3	14
	Tổng cộng	444	3.293

- Về tăng vốn: 759 lượt doanh nghiệp đăng ký thay đổi, trong đó có 106 lượt doanh nghiệp đăng ký bổ sung vốn là 2.992 tỷ đồng.

- Ngoài ra còn có 182 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2024 (148 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện).

Tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025, tổng vốn đăng ký thành lập mới doanh nghiệp và bổ sung tăng vốn là: 20.417 tỷ đồng. Trong đó, có 1.109 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký khoảng 9.528 tỷ đồng và 276 doanh nghiệp đăng ký tăng vốn với số vốn bổ sung khoảng 10.889 tỷ đồng (so với cùng kỳ năm ngoái, tăng 12,9 % về số lượng doanh nghiệp thành lập mới và tăng 24,7 % về số vốn thành lập mới). Ngoài ra có 453 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh, tăng 20,8 % so với cùng kỳ năm 2024 (375 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện).

4.2. Về tình hình giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh

Từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025, có 66 doanh nghiệp giải thể (tăng 73,6% so với cùng kỳ) và có 52 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động (tăng 57,5% so với cùng kỳ); 87 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (bằng 89,6% so với cùng kỳ). Lũy kế từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025, có 194 doanh nghiệp giải thể (tăng 44,7% so với cùng kỳ) và có 238 Chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động (tăng 23,9% so với cùng kỳ); 1.230 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (tăng 24,3% so với cùng kỳ).

Lý do giải thể và chấm dứt hoạt động và tạm ngừng kinh doanh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa và thuộc khu vực kinh tế tư nhân, do kinh doanh không hiệu quả.

5. Tình hình đầu tư từ nguồn vốn ngân sách

Tổng nguồn vốn ngân sách năm 2025 là 15.770,392 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 958,679 tỷ đồng đạt 6,08% kế hoạch (*nếu tính theo số Thủ tướng giao kế hoạch thì tỷ lệ giải ngân đạt 6,08%*), trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương là 3.751,982 tỷ đồng, giải ngân là 89,02 tỷ đồng, đạt 2,37% kế hoạch.

- Vốn ngân sách địa phương kế hoạch giao là 12.018,41 tỷ đồng, giải ngân là 869,659 tỷ đồng, đạt 7,24% kế hoạch, trong đó:

- + Ngân sách tỉnh: kế hoạch giao là 8.079,91 tỷ đồng, giải ngân là 216,206 tỷ đồng, đạt 2,68% kế hoạch.

- + Ngân sách huyện: kế hoạch giao là 3.938,5 tỷ đồng, giải ngân là 653,453 tỷ đồng, đạt 16,59% kế hoạch.

6. Về vốn đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh quý I/2025 đạt 29.858,2 tỷ đồng, giảm 15,92% so quý IV/2024 và tăng 6,48% so cùng kỳ. Quý I/2025 là quý trùng vào Tết Nguyên đán, thời gian nghỉ tết dài ngày, do vậy tiến độ thực hiện các dự án, công trình chậm lại so quý IV/2024, mặt khác quý I/2025 chủ yếu các doanh nghiệp xây dựng tập trung thực hiện các công trình chuyển tiếp từ năm trước qua, công trình khởi công mới chưa nhiều. Trong khi, quý IV/2024 là quý cuối năm, các dự án, công trình tích cực đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành kế hoạch, kịp thời giải ngân. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước Quý I/2024 thực hiện 6.431,9 tỷ đồng, giảm 44,4% so với quý IV/2024 và giảm 7,4% so cùng kỳ.

- Vốn thuộc khu vực ngoài nhà nước là 10.975,1 tỷ đồng, tăng 2,98% so quý IV/2024; so quý I/2024 tăng 13,72%.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 12.451,2 tỷ đồng, giảm 6,34% so quý IV/2024 và tăng 8,83% so cùng kỳ, chiếm trên 40% tổng nguồn vốn trên địa bàn.

7. Về sản xuất công nghiệp – xây dựng

7.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3/2025 tăng 7,46% so tháng trước, tăng 7,06% so cùng kỳ, trong đó ngành khai khoáng tăng 4,99%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,48%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 42,33%; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước tăng 0,96% so tháng trước. Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao đó là: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 5,81%; dệt tăng 5,09%; Sản xuất trang phục tăng 8,61%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 8,97%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 5,16%; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 8,4%; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,55%.

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,06% so với cùng kỳ, trong đó: ngành khai khoáng tăng 2,53%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,16%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,45%; ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,46%.

Xét theo ngành kinh tế cấp 2 dự ước trong quý I/2025 có 26/27 ngành có mức tăng so cùng kỳ, có 1/27 ngành có mức giảm đó là ngành Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu giảm 0,76%. Một số ngành sản xuất chỉ số sản xuất quý I cao hơn mức tăng bình quân chung so với toàn ngành do tiêu thụ sản phẩm thuận lợi như: Sản xuất giày da (+7,77%); Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (+7,53%); Sản xuất sản phẩm cao su và plastic (+7,91%); Sản xuất kim loại (+12,62%); Sản xuất phương tiện vận tải khác (+11,65%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+13,42%); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+13,73%). Có 01 ngành giảm là: hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu giảm 0,76%.

7.2. Hoạt động xây dựng

Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá hiện hành trên toàn địa bàn quý I/2025 đạt 19.895,7 tỷ đồng, tăng 12,03% so cùng kỳ, do quý I/2025 là quý đầu năm và có những ngày trùng vào Tết Nguyên đán, thời gian nghỉ kéo dài, nhiều công trình tạm ngưng cho công nhân nghỉ tết nên hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đạt thấp so với quý IV/2024. Trong đó:

- Doanh nghiệp nhà nước thực hiện 45,2 tỷ đồng, bằng 30,35% so cùng kỳ.
- Doanh nghiệp ngoài nhà nước ước thực hiện 15.530,2 tỷ đồng, tăng 13,56% so với cùng kỳ.
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 751,3 tỷ đồng, tăng 18,63% so cùng kỳ
- Các loại hình khác đạt 3.568,9 tỷ đồng, tăng 8,12% so cùng kỳ.

8. Về hoạt động dịch vụ giao thông vận tải và bưu chính viễn thông

8.1. Về hoạt động dịch vụ giao thông vận tải

Tổng doanh thu toàn ngành vận tải, kho bãi tháng 3 ước đạt 3.576 tỷ đồng, tăng 0,33% so với tháng trước. Quý I năm 2025 doanh thu ngành vận tải, kho bãi ước đạt 11.026,7 tỷ đồng, tăng 13,54% so cùng kỳ. Trong đó: Dịch vụ vận tải

hành khách tăng 8,91%. dịch vụ vận tải hàng hóa giảm 8,34%; kho bãi và hỗ trợ vận tải tăng 8,71%. Cụ thể từng lĩnh vực vận tải như sau:

Dự ước doanh thu vận tải hành khách tháng 3 đạt 446,5 tỷ đồng, giảm 5,06% so tháng trước. Dự ước quý I đạt 1.359,3 tỷ đồng, tăng 18,1% so cùng kỳ. Sản lượng vận chuyển hành khách tháng 3 ước đạt 7.818 nghìn hành khách, giảm 5,17% so với tháng trước, tăng 8,76% so với tháng cùng kỳ; luân chuyển đạt 451.338 nghìn hành khách.km giảm 5,73% so với tháng trước, tăng 10% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 3 tháng vận chuyển ước đạt 23.883 nghìn hành khách, tăng 8,46%; luân chuyển đạt 1.378.873 nghìn hành khách.km tăng 10,63% so cùng kỳ.

Dự ước doanh thu vận tải hàng hoá tháng 3 đạt 1.859,78 tỷ đồng, tăng 1,92% so tháng trước. Ước quý I đạt 5.496,35 tỷ đồng, tăng 17,1% so cùng kỳ. Sản lượng vận chuyển hàng hóa tháng 3 ước đạt 8.123 nghìn tấn tăng 1,58% so với tháng trước và tăng 17,9% so với cùng kỳ; luân chuyển ước đạt 696.147 nghìn tấn.km, tăng 1,59% so với tháng trước và tăng 18,97% so với tháng cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2024 khối lượng vận chuyển ước đạt 24.048 nghìn tấn, tăng 13,51%; khối lượng luân chuyển đạt 2.060.363 nghìn tấn.km, tăng 14,56% so với cùng kỳ.

8.2. Bưu chính, viễn thông

Dự ước doanh thu bưu chính, viễn thông quý I năm 2025 đạt 2.537 tỷ đồng, tăng 3,38% so với quý IV năm 2024 và tăng 11,8% so với cùng kỳ.

Số thuê bao điện thoại cố định phát triển mới quý I ước đạt 263.949 thuê bao tăng 1,88% so quý trước và tăng 7,9% so với quý cùng kỳ. Trong đó: Số thuê bao cố định ước đạt 247 thuê bao giảm 1,98% so quý trước và giảm 11,47% so với quý cùng kỳ; Số thuê bao di động đạt 263.702 thuê bao tăng 1,88% so quý trước và tăng 7,92% so với quý cùng kỳ.

Thuê bao Internet phát triển mới quý I năm 2025 ước đạt 38.485 thuê bao tăng 2,41% so quý trước và tăng 8,43% so với quý cùng kỳ.

9. Về giá cả thị trường

Tháng 3/2025, giá cả nhiều mặt hàng tương đối ổn định và có xu hướng giảm do nhu cầu tiêu dùng, ăn uống, vui chơi, giải trí và du lịch của người dân giảm. Giá một số mặt hàng như lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia đình và thuốc chữa bệnh giữ mức ổn định so với tháng trước. Trong tháng, giá xăng dầu được điều chỉnh giảm theo xu hướng giá thế giới, trong khi giá gas cũng giảm nhẹ so với tháng trước. Những yếu tố này góp phần làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 giảm 0,26% so với tháng trước, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,68% và bình quân quý 1 tăng 3,93% so với cùng kỳ.

Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 như sau:

- So với tháng trước, CPI giảm 0,26% (khu vực thành thị giảm 0,52%, khu vực nông thôn giảm 0,01%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 6 nhóm tăng giá, 3 nhóm giảm và 2 nhóm giữ mức ổn định. Cụ thể:

+ Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,4%, kéo CPI chung giảm 0,13%. Trong đó, lương thực giảm 1,19%, thực phẩm giảm 0,2%, ăn uống ngoài gia đình giảm 0,49%. Giá các mặt hàng lúa, gạo trong nước giảm do giá xuất khẩu giảm, gạo tẻ thường giảm 1,23%, gạo tẻ ngon giảm 2,87% và gạo nếp giảm 1,77%.

+ Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,37% do nhu cầu tiêu thụ rượu, bia giảm, một phần do lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra vi phạm nồng độ cồn khi tham gia giao thông. Bên cạnh đó, giá nước khoáng và đồ uống có gas cũng giảm sau đợt tiêu thụ cao vào tháng trước, cụ thể: nước giải khát có gas giảm 3,88%, nước tăng lực đóng chai, lon, hộp giảm 0,94%.

+ Nhóm giao thông giảm 2%, làm CPI chung giảm 0,2%. Nguyên nhân chủ yếu do giá nhiên liệu giảm 4,09% so với tháng trước, trong đó giá xăng giảm 4,5%, dầu diesel giảm 4,88% do ảnh hưởng giá thế giới. Giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 2,77%, đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách bằng đường sắt giảm mạnh 41,91% do nhu cầu đi lại sau Tết giảm.

+ Các nhóm hàng còn lại có mức tăng nhẹ so với tháng trước: May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,13%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,17%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,14%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%. Nhóm bưu chính viễn thông và giáo dục duy trì mức giá ổn định, không có biến động.

- Chỉ số giá bình quân quý 1/2025 so với cùng kỳ năm trước tăng 3,93%. Trong 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng giá, các nhóm tăng cao nhất bao gồm: Thuốc và dịch vụ y tế, tăng 14,53%, giáo dục, tăng 7,83%, văn hóa, giải trí và du lịch, tăng 6,92%, hàng ăn và dịch vụ ăn uống, tăng 4,49%, nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, tăng 3,3%, đồ uống và thuốc lá, tăng 1,88%, thiết bị và đồ dùng gia đình, tăng 1,44%, may mặc, mũ nón và giày dép, tăng 0,69%. Riêng bưu chính viễn thông giảm 0,82%, giao thông giảm 3,04%.

Trên đây là báo cáo cập nhật, bổ sung kết quả thực hiện lĩnh vực kinh tế quý I/2025 của tỉnh Đồng Nai; UBND tỉnh Đồng Nai kính báo cáo Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UB.MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Giám đốc các Sở, ban, ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, các phòng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức